

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 303/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2026

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sáu;

2. Ông Trịnh Văn Bé.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Lương Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số 476/2026/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 301/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Trúc G, sinh ngày 06/4/2001, căn cước công dân: 089301019904; địa chỉ cư trú: Ấp V, xã K, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: Số nhà B, ấp A, xã K, tỉnh An Giang (Có mặt);

2. **Bị đơn:** Ông Dương Tùng E, sinh năm 1992, căn cước công dân: 089092009867; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 27/5/2026 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Trúc G trình bày:

Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông Tùng E được hình thành là do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42 ngày 04/5/2021 tại Ủy ban nhân thị trấn M (nay xã L), tỉnh An Giang. Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 11/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Tùng E cờ bạc, thường xuyên uống rượu, bia bà

nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông không thay đổi, nên bà bỏ nhà về cha mẹ ruột sinh sống và ly thân với ông E từ tháng 11/2025 sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình bỏ mặt không hàn gắn. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông Dương Tùng E; Về quan hệ con chung: Bà với ông E có 01 con chung tên Dương Thị Trúc P, sinh ngày 22/7/2021 hiện do bà nuôi. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung: Bà tự thỏa thuận với ông E, không yêu cầu giải quyết; Về quan hệ nợ chung: Bà với ông E không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Trúc G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Dương Tùng E được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Tùng E vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Trúc G đối với ông Dương Tùng E.

- Bà Phạm Thị Trúc G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Dương Thị Trúc P, sinh ngày 22/7/2021. Ông Dương Tùng E không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thị Trúc G yêu cầu ly hôn với ông Dương Tùng E. Ông E có nơi cư trú ấp T, xã L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Dương Tùng E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tùng E là có căn cứ.

[3] Bà Phạm Thị Trúc G yêu cầu ly hôn với ông Dương Tùng E, bà G và ông Tùng E kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2020, hôn nhân có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42 ngày 04/5/2021, nên xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà G bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông Tùng E cờ bạc, thường xuyên uống rượu, bia, bà khuyên ngăn nhưng không thay đổi nên bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ 11/2025 đến nay, gia đình không hàn gắn...

Qua trình bày của bà G, mặc dù ông Tùng E đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng về yêu cầu xin ly hôn của bà G, nhưng ông không có ý kiến phản đối, chứng tỏ trình bày của bà G có căn cứ, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của bà G được ly hôn với ông Tùng E.

[4] Về quan hệ con chung: Xét thấy, cháu Dương Thị Trúc P từ trước nay do bà G nuôi dưỡng, nên tâm tư, tình cảm gắn bó với người nuôi dưỡng. Để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu cũng như tạo điều kiện cho con chung phát triển tốt về sau, Hội đồng xét xử xét chấp nhận giao cháu P cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: do bà G không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà G khai, bà tự thỏa thuận về tài sản với ông Tùng E, riêng nợ chung thì không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đề cập giải quyết.

[6] Quá trình làm việc, bà Trúc G có yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ. Bà G tự nguyện nộp chi phí tố tụng 300.000 đồng và đồng ý chịu toàn bộ chi phí này. Xét đây là sự tự nguyện của bà Trúc G nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Trúc G.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Trúc G được ly hôn với ông Dương Tùng E;

- Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị Trúc G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Dương Thị Trúc P, sinh ngày 22/7/2021. Ông Tùng E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà G cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông Tùng E trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà Phạm Thị Trúc G xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà Phạm Thị Trúc G và ông Dương Tùng E phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Chi phí xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Phạm Thị Trúc G tự nguyện chịu. Bà G đã nộp xong.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Phạm Thị Trúc G phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 307558 do **Thị hành án dân sự tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 5 năm 2026. Bà Phạm Thị Trúc G đã nộp đủ.**

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

